FireAnt

CTCP Garmex Sài Gòn (UPCOM: GMC)

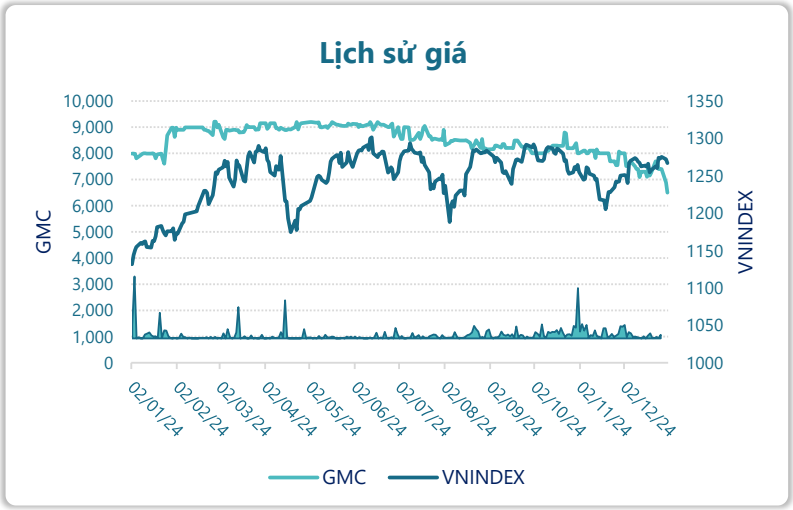

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,210
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,500
SL cổ phiếu LH	32,950,999
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,010
% sở hữu nước ngoài	4.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	214
P/E	-11.8
EPS	-552

DT thuần

Q4/24

0.38

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.26| 219%

YoY: ▲ 0.25| 194%

LN sau thuế

Q4/24

-10.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.49| -17.6%

YoY: ▼2.34| -30.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-3482%

+/- YoY: ▼ 2945%

DT thuần

2024

0.86

tỷ VNĐ

YoY: ▼7.44| -89.7%

LN sau thuế

2024

-18.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 33.7| 65.0%

ROE

2024

-4.7%

+/- YoY: ▲ 7.6%

Kết quả kinh doanh

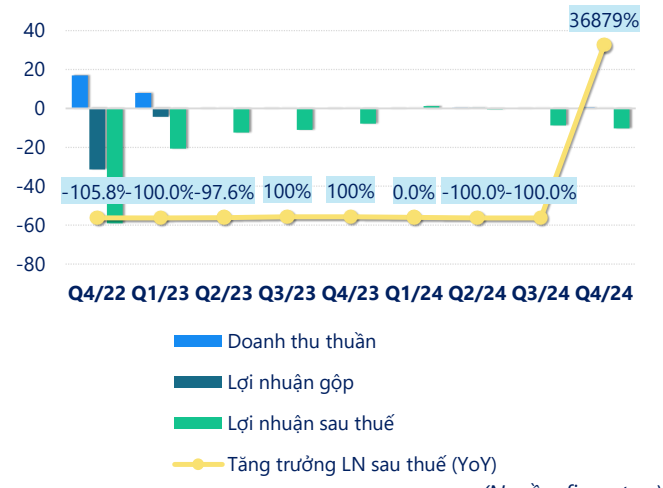

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

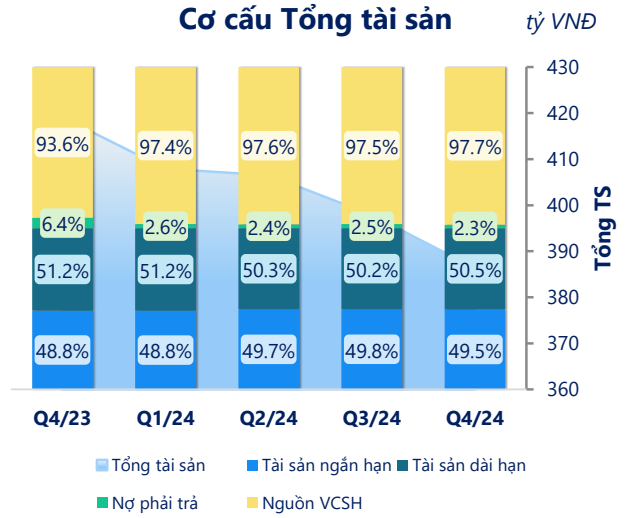

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

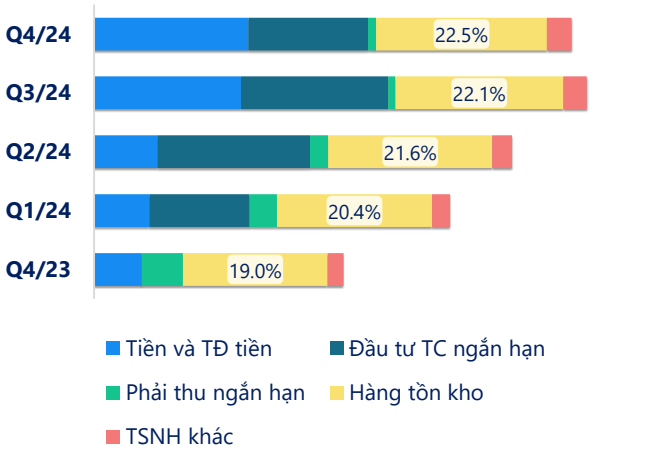

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

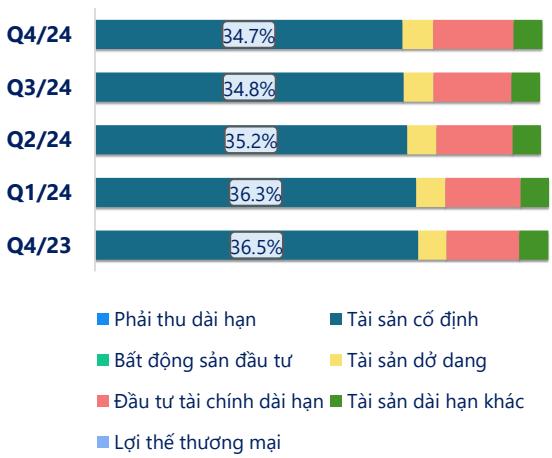

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

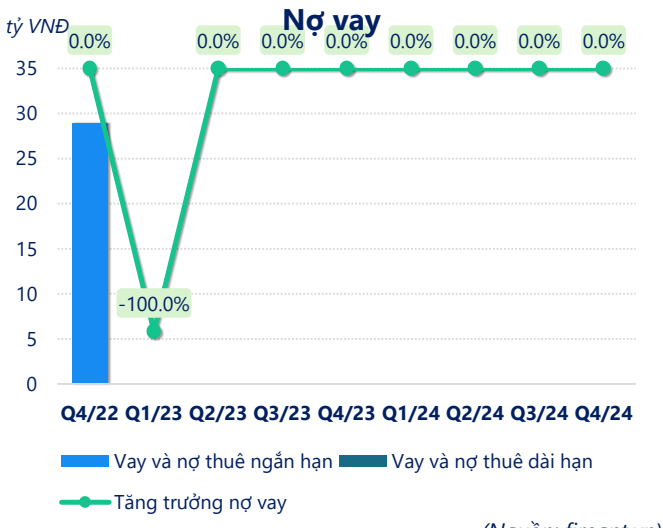

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

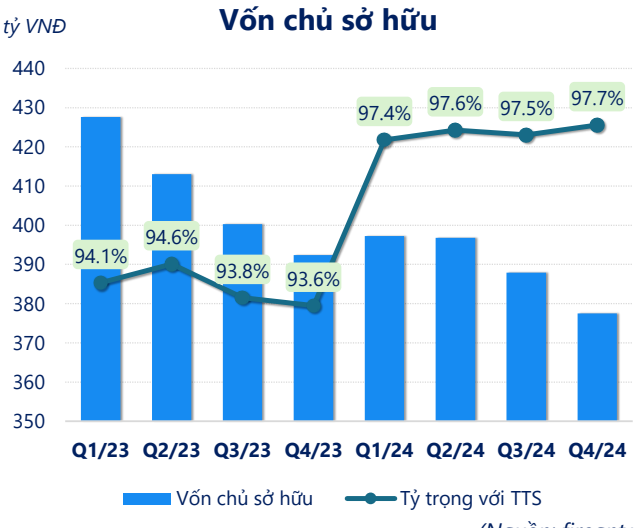

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

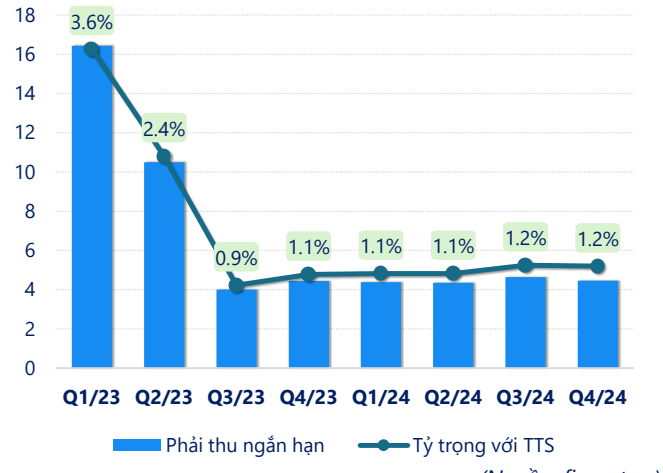

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

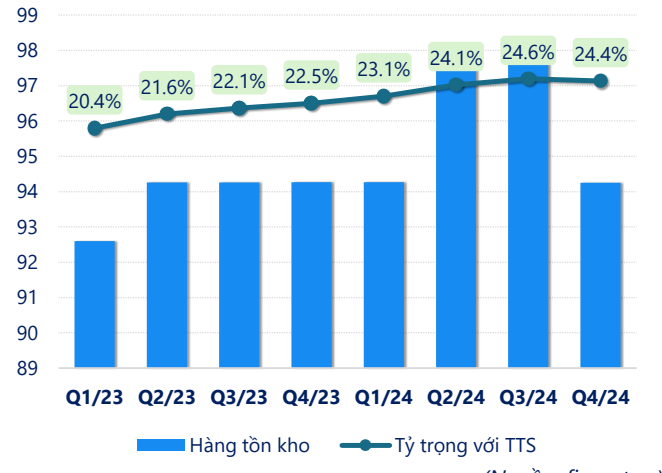

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

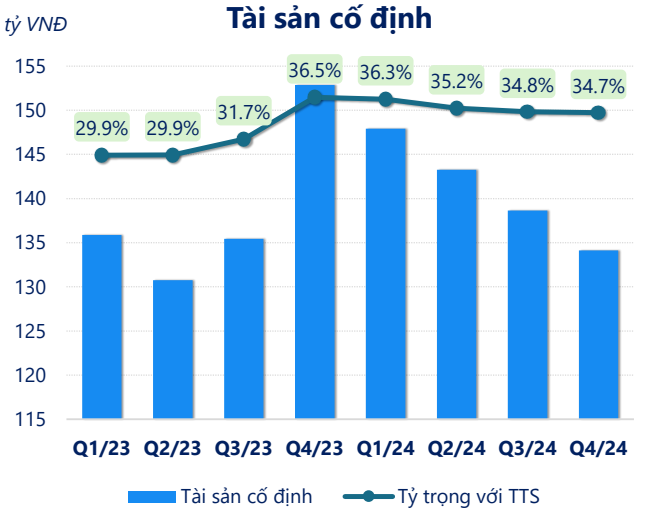

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

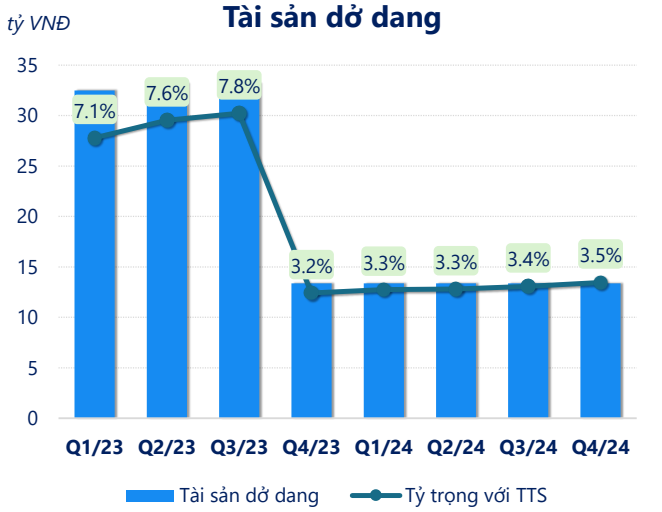

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

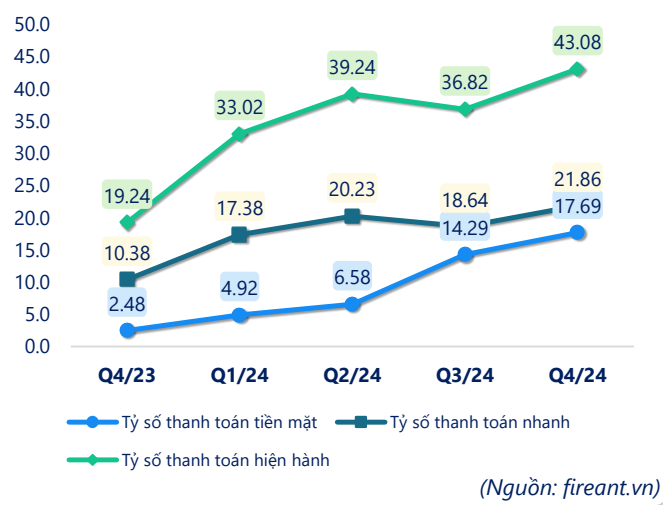

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

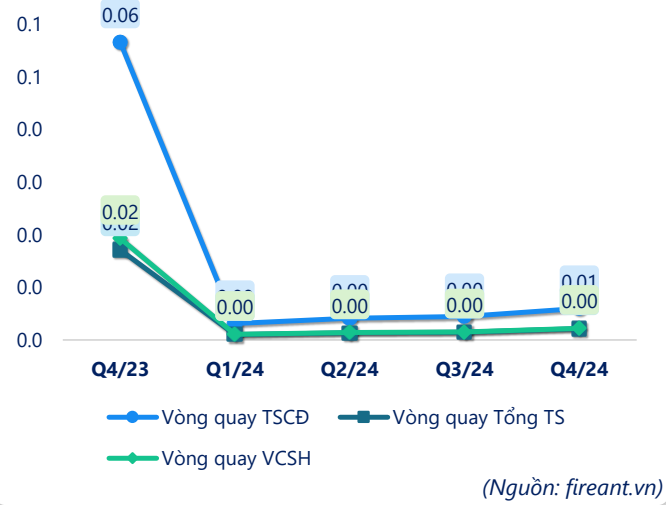

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**419**	**408**	**407**	**398**	**386**
Tài sản ngắn hạn	**205**	**199**	**202**	**198**	**191**
Tiền và tương đương tiền	26.4	29.6	33.9	76.9	78.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	66.0	58.8	51.6	4.94	0.68
Phải thu ngắn hạn	4.45	4.38	4.35	4.64	4.46
Hàng tồn kho	94.3	94.3	97.8	97.8	94.2
Tài sản ngắn hạn khác	13.6	11.9	14.3	13.8	13.4
Tài sản dài hạn	**214**	**209**	**205**	**200**	**195**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	153	148	143	139	134
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	13.4	13.4	13.4	13.4	13.4
Đầu tư tài chính dài hạn	34.4	34.6	35.0	35.0	34.9
Tài sản dài hạn khác	13.8	13.0	12.9	12.8	12.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**26.7**	**10.7**	**9.75**	**9.97**	**8.82**
Nợ ngắn hạn	**10.6**	**6.02**	**5.15**	**5.38**	**4.44**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	5.50	0.69	1.43	0.48	0.51
Nợ dài hạn	16.1	4.66	4.61	4.59	4.38
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**392**	**397**	**397**	**388**	**378**
Vốn chủ sở hữu	**392**	**397**	**397**	**388**	**378**
Vốn điều lệ	330	330	330	330	330
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)